|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP**VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**CỤC TRỒNG TRỌT****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU LUẬT TRỒNG TRỌT**

Ngày 19/10/2018, tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14. Luật Trồng trọt có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020, thay thế Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT TRỒNG TRỌT**

**1. Bối cảnh, thực trạng quan hệ xã hội đòi hỏi phải có sự điều chỉnh của pháp luật.**

Sản xuất trồng trọt giữ vai trò quan trọng trong nông nghiệp, thu hút sự tham gia của gần 70% nguồn lực lao động xã hội. Sau hơn 30 năm đổi mới, sản xuất trồng trọt đã có những bước phát triển quan trọng, góp phần đưa nước ta từ nước phải nhập khẩu lương thực trở thành nước xuất khẩu lương thực nói riêng, nông sản nói chung, hàng nông sản Việt Nam đã có vị thế cao trên thị trường nông sản thế giới. Sản xuất trồng trọt hiện đóng góp trên 50% GDP và trên 50% kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành nông nghiệp, góp phần xoá đói, giảm nghèo, bảo đảm an ninh lương thực mà còn tạo sự ổn định chính trị xã hội. Trong thời gian qua, ngành trồng trọt đã có những cơ hội lớn như:

*Một là,* Việt Nam đã ký kết hàng loạt các Hiệp định như Hiệp định Thương mại thế giới (WTO), Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), Khu mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA), đặc biệt khi Việt Nam tham gia Hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA) là cơ hội cho hàng hóa nông sản mở rộng thị trường xuất khẩu. Năm 2017, giá trị xuất khẩu của toàn ngành nông nghiệp đạt trên 36,37 tỷ USD, trong đó lĩnh vực trồng trọt là 18,98 tỷ USD; trong 10 ngành hàng xuất khẩu chủ lực của ngành nông nghiệp (có giá trị trên 1 tỷ USD) có 7 ngành hàng thuộc lĩnh vực trồng trọt là lúa gạo, tiêu, điều, cà phê, sắn, rau quả, cao su. Trong đó, sản phẩm ngành trồng trọt đã có mặt tại 180 nước và vùng lãnh thổ; có 4 mặt hàng kim ngạch đạt trên 3 tỷ USD/năm gồm: trái cây, hạt điều, cà phê, gạo.

*Hai là,* nhận thức về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu; sản xuất theo chuỗi giá trị được nâng cao; các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến cũng như đầu tư vào khoa học công nghệ cho ngành trồng trọt được quan tâm và thể hiện rõ trong chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

*Ba là,* hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trồng trọt ngày càng phát triển, đa dạng trong đầu tư, trao đổi, hỗ trợ về khoa học công nghệ, kỹ thuật, tài chính phục vụ phát triển bền vững.

Những kết quả trên của ngành trồng trọt không chỉ góp phần tạo nên sự ổn định, phát triển của đất nước, nâng cao đời sống người dân mà còn tạo vị thế, sức mạnh, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Mặc dù vậy, nông nghiệp nói chung, ngành trồng trọt nói riêng còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: biến đổi khí hậu, phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chất lượng hiệu quả, năng suất lao động còn thấp, khả năng cạnh tranh chưa cao, cụ thể:

*Thứ nhất,* Việt Nam được dự báo là một trong 5 nước chịu ảnh hưởng lớn nhất từ biến đổi khí hậu do nước biển dâng. Những ảnh hưởng từ các loại thiên tai như hạn hán, bão lụt, dịch bệnh… khi xảy ra thì ngành trồng trọt sẽ chịu tác động mạnh mẽ nhất do sản xuất trồng trọt hoàn toàn diễn ra trong điều kiện tự nhiên, ngoài trời.

*Thứ hai,* quy mô sản xuất nhỏ, phân tán đã gây khó khăn cho việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật; cơ chế liên kết sản xuất để hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn chưa đủ mạnh; cơ giới hóa nông nghiệp còn chậm; phát triển sản xuất theo hợp đồng và cấp chứng nhận sản phẩm còn hạn chế; không còn quy hoạch các ngành hàng để tạo ra sản phẩm trồng trọt chủ lực.

*Thứ ba*, nhận thức về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân; sản xuất theo chuỗi giá trị chưa được nâng cao doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến cũng như đầu tư vào khoa học công nghệ cho ngành trồng trọt còn thấp chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế.

*Thứ tư,* còn bất cập giữa yêu cầu phát triển bền vững, hiệu quả nhanh chóng và bền vững với các nguồn lực đầu tư; các nguồn vốn ODA trực tiếp cho ngành trồng trọt giảm; đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực sản xuất trồng trọt còn thấp.

*Thư năm,* thiếu hụt nguồn lao động trong lĩnh vực trồng trọt và đang bị già hóa; quá trình đô thị hóa nhanh; nhu cầu chuyển đổi đất trồng trọt sang các mục đích khác tăng mạnh.

*Thứ sáu,* chịu sự cạnh tranh khốc liệt với sản phẩm cùng loại tại chính thị trường trong nước cũng như thị trường quốc tế khi Việt Nam tham gia hội nhập.

**2. Tổng kết, đánh giá thực trạng các quy định pháp luật hiện hành**

Sau 14 năm thi hành Pháp lệnh Giống cây trồng, Nghị định về quản lý phân bón và các quy định của pháp luật có liên quan đã góp phần quan trọng vào việc phát triển sản xuất trồng trọt. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành pháp luật về trồng trọt đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập sau:

***a) Trong quản lý giống cây trồng***

*Thứ nhất*, tất cả các giống cây trồng trước khi đưa vào sản xuất, kinh doanh đều phải được công nhận giống cây trồng mới; phải thực hiện khảo nghiệm trước khi công nhận. Đối với giống cây trồng chính phải thực hiện khảo nghiệm quốc gia; chưa thực hiện triệt để xã hội hóa hoạt động khảo nghiệm theo quy định của Luật Đầu tư; giống cây trồng khác do tác giả tự khảo nghiệm nhưng chưa có cơ chế kiểm tra, giám sát.

*Thứ hai,* quá trình khảo nghiệm giống kéo dài, quy trình khảo nghiệm còn nhiều điểm bất cập; công nhận giống phải trải qua 2 giai đoạn, với 4 kỳ họp Hội đồng thì giống mới được công nhận chính thức (giống lúa là 3-4 năm, giống cây ăn quả là 8-10 năm).

Các tiêu chí công nhận giống mới không còn phù hợp với thực tiễn khi nền sản xuất đang chuyển từ số lượng sang chất lượng, nhưng việc định lượng các tính trạng nổi trội về chất lượng lại không được quy định cụ thể.

*Thứ ba,* việc quy định ban hành Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam sau khi công nhận giống cây trồng mới là không cần thiết, tăng thủ tục hành chính.

*Thứ tư,* chưa quy định rõ ràng về chủ thể, quy trình tiếp nhận, bảo quản, kinh phí trong việc lưu giữ bộ giống chuẩn để làm giống đối chứng trong khảo nghiệm công nhận và bảo hộ giống cây trồng.

*Thứ năm*, nhiều giống đã tồn tại nhiều năm và đang được sử dụng rộng rãi trong sản xuất nhưng không được công nhận giống vì không đáp ứng yêu cầu tính mới theo quy định của Pháp luật hiện hành, điều này gây khó khăn cho công tác quản lý, sản xuất, truy xuất nguồn gốc và thương mại sản phẩm.

*Thứ sáu,* thực chất việc công nhận lưu hành giống cây trồng nhằm xác lập quyền của chủ sở hữu giống trong sản xuất, kinh doanh nhưng quyền này chưa được quy định trong pháp lệnh giống cây trồng. Do đó, khi một giống cây trồng đã được công nhận lưu hành, chủ sở hữu giống muốn thực hiện quyền sở hữu lại phải thực hiện bảo hộ giống cây trồng theo các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Như vậy, chủ sở hữu giống phải thực hiện hai thủ tục độc lập khi muốn xác lập quyền sở hữu giống và công nhận giống mới, trong khi hai nội dung này đều do một cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

*Thứ bảy,* việc quy định khảo nghiệm và công nhận giống cây trồng theo 7 vùng sinh thái là không hợp lý vì quy định này làm tăng chi phí cho chủ sở hữu. Trong khi đó, sự thích ứng của giống cây trồng chủ yếu phụ thuộc vào yếu tố nhiệt độ, nên giống cây trồng có thể thích nghi trên nhiều vùng, thậm chí có thể thích nghi trên phạm vi toàn quốc.

***b) Trong quản lý phân bón:*** phân bón là vật tư quan trọng bậc nhất trong lĩnh vực trồng trọt nhưng hiện mới được điều chỉnh tại văn bản cấp nghị định (Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón). Do đó, để nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật thì các quy định về quản lý phân bón cần thiết phải quy định tại Luật.

***c) Một số hoạt động chưa có văn bản pháp luật quy định:***

Việc xây dựng và bảo vệ các hệ thống canh tác hướng tới nền sản xuất hàng hóa tập trung, có hợp đồng, cấp chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc là nội dung quan trọng trong giai đoạn hiện nay nhưng vẫn chưa được quy định ở các văn bản pháp luật. Tương tự, hoạt động thu hoạch, bảo quản, chế biến và thương mại chưa có quy định cụ thể; hoặc một số nội dung được quy định tản mạn ở một số Luật.

**3. Chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về trồng trọt cần được thể chế hóa**

Ngày 05/8/2008, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thông qua Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đã xác định: *“Phát triển ngành trồng trọt, hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung, thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng các giống và quy trình sản xuất mới có năng suất, chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống tưới tiêu; đẩy nhanh cơ giới hoá đồng bộ các khâu sản xuất; hiện đại hoá công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa. Bố trí lại cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống để giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh phù hợp với điều kiện của từng vùng. Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng. Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài và ưu tiên hàng đầu trong phát triển nông nghiệp. Có chính sách bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa, địa phương và vùng trồng lúa. Xây dựng các vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa hàng hoá tập trung, trước hết là các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.”.*

Ngày 15/5/2014, Bộ Chính trị có kết luận số 97-KL/TW về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong đó chỉ rõ “*Chủ động sản xuất, kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn, chất lượng các sản phẩm đầu vào sản xuất nông nghiệp như giống, phân bón, thuốc trừ sâu, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi…, nhằm tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của các vùng, cơ sở sản xuất nông sản, thực phẩm an toàn, công nghệ cao; hạn chế việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp trong nước sản xuất được.”* và “*Tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của nông sản, ưu tiên trước hết cho các sản phẩm chủ lực. Phát triển nông nghiệp dựa trên đặc điểm, lợi thế của mỗi vùng, miền, địa phương; xác định rõ các cây trồng, vật nuôi có lợi thế, có thị trường; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các loại nông sản chủ lực, các sản phẩm hàng hóa có thương hiệu quốc gia và quốc tế.*”

Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, Chính phủ ban hành nhiều chính sách như: Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn: “ *Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại (bao gồm các đề án phát triển ngành trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản), trong đó phải khai thác tối đa lợi thế so sánh của từng vùng sinh thái, từng loại sản phẩm phù hợp với yêu cầu của thị trường, gắn sản xuất hàng hóa với công nghiệp chế biến và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế. Đẩy mạnh việc áp dụng cơ giới hóa nông nghiệp phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi, tập trung vào một số vùng sản xuất hàng hóa lớn, thiếu lao động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để hạn chế tối đa tổn thất sau thu hoạch.”*

Các chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ triển khai trong thực tiễn đã khẳng định tính tích cực, hiệu quả to lớn cho ngành nông nghiệp nói chung, ngành trồng trọt nói riêng nên cần được luật hóa trong Luật Trồng trọt.

Để khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, đồng thời nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển trồng trọt, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, việc xây dựng để ban hành Luật Trồng trọt là hết sức cần thiết.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH CẦN THỂ CHẾ HOÁ TRONG LUẬT**

**1. Mục tiêu**

Việc ban hành Luật Trồng trọt nhằm thiết lập khung pháp lý điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực trồng trọt, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả, khả thi để phát triển trồng trọt theo định hướng thị trường; có cơ cấu quản lý, sản xuất, kinh doanh hợp lý; tạo lập được nền sản xuất hàng hoá quy mô lớn, chất lượng và từng bước hiện đại hoá, đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững, đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nông dân, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế.

**2. Quan điểm**

*Thứ nhất,* thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước về sản xuất trồng trọt, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

*Thứ hai,* bảo đảm tính phù hợp, thống nhất với Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

*Thứ ba,* trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành Pháp lệnh Giống cây trồng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Phát triển ngành trồng trọt theo hướng hiện đại; sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên; phát triển sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

*Thứ tư,* dựa trên cơ sở khoa học và kinh nghiệm thực tiễn của ngành trồng trọt cũng như kinh nghiệm quản lý của các nước trong khu vực và trên thế giới; đáp ứng nhu cầu phát triển, hội nhập ngày càng sâu rộng của ngành trồng trọt.

*Thứ năm,* đáp ứng yêu cầu về cải cách hành chính; giảm các thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp cho địa phương; xã hội hóa tối đa các dịch vụ công.

**III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TRỒNG TRỌT**

**1. Bố cục**

Pháp lệnh Giống cây trồng 2004 có 08 Chương 51 Điều. Luật Trồng trọt 2018 có 07 Chương 85 Điều, giảm 01 Chương và tăng 34 Điều so với Pháp lệnh Giống cây trồng 2004.

Luật Trồng trọt có 7 Chương, 85 Điều và được kết cấu như sau:

Chương I: Những quy định chung; gồm 9 Điều, từ Điều 1 đến Điều 9.

Chương II: Giống cây trồng; gồm 7 Mục 26 Điều, từ Điều 10 đến Điều 35.

Chương III: Phân bón; gồm 5 Mục 19 Điều, từ Điều 36 đến Điều 54.

Chương IV: Canh tác; gồm 7 Mục 20 Điều, từ Điều 55 đến Điều 74.

Chương V: Thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng; gồm 7 Điều từ Điều 75 đến Điều 81.

Chương VI: Quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt; gồm 2 Điều, từ Điều 82 đến Điều 83.

Chương VII: Điều khoản thi hành; gồm 2 Điều, từ Điều 84 đến Điều 85.

**2. Nội dung cơ bản và những điểm mới của Luật Trồng trọt**

*2.1. Những quy định chung (Chương I)*

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1):Luật nàyquy định về hoạt động trồng trọt; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trồng trọt; quản lý nhà nước về trồng trọt. Hoạt động trồng trọt bao gồm hoạt động về giống cây trồng; phân bón; canh tác; thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng.

Luật Trồng trọt mở rộng phạm vi điều chỉnh theo hướng liên kết theo chuỗi quy định về hoạt động trồng trọt và liên quan; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trồng trọt; quản lý Nhà nước về trồng trọt (Điều 1). Trồng trọt được xác định là ngành kinh tế - kỹ thuật trong nông nghiệp có liên quan đến việc gieo trồng cây nông nghiệp, cây cảnh và nấm ăn để phục vụ mục đích của con người, bao gồm hoạt động về giống cây trồng; phân bón; canh tác; thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng (khoản 1, khoản 2 Điều 2). Đây là một trong những điểm mới quan trọng nhất của Luật, chi phối toàn bộ nội dung cũng như cấu trúc của Luật.

- Nguyên tắc hoạt động trồng trọt (Điều 3): Luật Trồng trọt xác định phát triển ngành trồng trọt theo định hướng thị trường, tạo nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng và từng bước hiện đại hóa, bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nông dân, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế là nguyên tắc hoạt động. Theo đó, quy định hoạt động trồng trọt phải tuân thủ 6 nguyên tắc sau đây:

*Thứ nhất,* phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với định hướng thị trường, phù hợp với chiến lược phát triển trồng trọt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, sản xuất có hợp đồng, sản xuất được chứng nhận chất lượng; bảo đảm an ninh lương thực; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của tổ chức, cá nhân.

*Thứ hai,* sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng; sử dụng an toàn và hiệu quả các loại vật tư nông nghiệp.

*Thứ ba*, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường đất, nước, quy trình sản xuất; bảo đảm an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

*Thứ tư,* phát huy lợi thế vùng, gắn với bảo tồn giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa; bảo vệ hệ thống canh tác bền vững, di sản, cảnh quan, văn hóa trong nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái và xây dựng nông thôn mới.

*Thứ năm*, chủ động dự báo, phòng, chống thiên tai và sinh vật gây hại cây trồng; thích ứng với biến đổi khí hậu.

*Thứ sáu*, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Chính sách của Nhà nước về hoạt động trồng trọt (Điều 4):

+ Nhà nước có chính sách đầu tư cho các hoạt động: (i) Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt; thông tin và dự báo thị trường; xây dựng chiến lược phát triển trồng trọt; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động trồng trọt; (ii) Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập phục vụ nghiên cứu chính sách, nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực trồng trọt; (iii) Nghiên cứu cơ chế, chính sách trong trồng trọt; chọn, tạo giống cây trồng chất lượng cao, chống chịu sinh vật gây hại và thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác sinh vật có ích; phát triển phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, kỹ thuật canh tác và bảo vệ môi trường trong trồng trọt; nghiên cứu khoa học đất và dinh dưỡng cây trồng, công nghệ sau thu hoạch; Thu thập, lưu giữ, bảo tồn và khai thác nguồn gen giống cây trồng quý, hiếm, giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa; xây dựng ngân hàng gen cây trồng; (iv) Đào tạo nguồn nhân lực về khuyến nông cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

+ Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động: (i) Liên kết sản xuất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, canh tác hữu cơ; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; canh tác trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển, đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa; phát triển vùng nguyên liệu phục vụ nhà máy chế biến; quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc; (ii) Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong canh tác, bảo quản và chế biến; canh tác hữu cơ, canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu; (iii) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, hoạt động chứng nhận sản phẩm cây trồng; (iv) Xây dựng cơ sở hạ tầng, phân tích, đánh giá điều kiện sản xuất ban đầu trong trồng trọt, đánh giá nông hóa, thổ nhưỡng phục vụ sản xuất hàng hóa tập trung; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến; sản xuất phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học; canh tác hữu cơ; cơ giới hóa; phòng thử nghiệm quốc gia và kiểm nghiệm liên phòng quốc tế; (v) Sản xuất lúa theo quy hoạch; (vi) Sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống nguyên chủng, giống bố mẹ để sản xuất hạt lai F1, giống gốc và giống thương phẩm mới; phục tráng giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa; duy trì cây đầu dòng; bảo vệ và phát triển vườn cây đầu dòng; nhập khẩu giống mới, chuyển nhượng bản quyền đối với giống cây trồng; (vii) Xây dựng chợ đầu mối sản phẩm cây trồng; xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây trồng; (viii) Khôi phục sản xuất trong trường hợp bị thiên tai, dịch bệnh; (ix) Đào tạo nguồn nhân lực; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến nông trong trồng trọt.

Bên cạnh các chính sách đầu tư, hỗ trợ nêu trên Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động nêu trên và các hoạt động sau: (i) Hợp tác, liên kết trong nghiên cứu phát triển, kinh doanh, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và hoạt động liên quan trong trồng trọt; (ii) Xã hội hóa dịch vụ công trong trồng trọt; nâng cao năng lực hoạt động đánh giá sự phù hợp; (iii) Bảo hiểm nông nghiệp trong trồng trọt; (iv) Canh tác hữu cơ, canh tác kết hợp du lịch sinh thái, bảo vệ cảnh quan, văn hóa, lịch sử ở khu vực nông thôn; (v) Sử dụng phân bón hữu cơ.

Như vậy, Luật Trồng trọt đã quy định rõ các chính sách để phát triển trồng trọt và phân định rõ các mức độ của chính sách đối với các hoạt động và các đối tượng khác nhau trong lĩnh vực trồng trọt để đảm bảo chính sách phù hợp với điều kiện xã hội và có tính khả thi. Việc phân định rõ các hoạt động trồng trọt được Nhà nước đầu tư, hỗ trợ và khuyến khích đầu tư, từ đó giảm được ngân sách Nhà nước đầu tư, tăng cường xã hội hóa các hoạt động trồng trọt.

- Chiến lược phát triển trồng trọt (Điều 5): Luật Trồng trọt quy định chiến lược phát triển trồng trọt được xây dựng cho chu kỳ 10 năm, định hướng 20 năm; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch có liên quan. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt.

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt (Điều 8): Luật Trồng trọt lần đầu tiên quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt bao gồm các nội dung sau: Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành, về sản xuất, bảo quản, chế biến, thương mại, về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, về dinh dưỡng đất, sử dụng đất trồng trọt, giống cây trồng, phân bón, nước tưới và cơ sở dữ liệu khác về trồng trọt.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt là hệ thống thông tin liên quan đến trồng trọt, được xây dựng thống nhất từ trung ương đến địa phương, được chuẩn hóa để cập nhật, khai thác phục vụ xây dựng chiến lược phát triển ngành, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý chuyên ngành trồng trọt các cấp; cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, người dân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực trồng trọt và quản lý bằng công nghệ thông tin. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt, các dữ liệu ngành phục vụ quản lý Nhà nước về trồng trọt, minh bạch hóa công tác quản lý, số liệu ngành tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trồng trọt (Điều 9), gồm 10 hành vi, bao gồm: (i) Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu giống cây trồng chưa được quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép; (ii) Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu phân bón chưa được quyết định công nhận lưu hành tại Việt Nam, trừ trường hợp nhập khẩu phân bón quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật này và sản xuất phân bón để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài; (iii) Sản xuất, buôn bán giống cây trồng không đáp ứng điều kiện sản xuất, buôn bán; sản xuất, buôn bán phân bón chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán phân bón; (iv) Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu giống cây trồng, phân bón, vật tư nông nghiệp khác và sản phẩm cây trồng giả, hết hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc; (v) Cung cấp thông tin về giống cây trồng, phân bón sai lệch với thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc sai lệch với thông tin tự công bố; (vi) Thực hiện trái phép dịch vụ khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm định ruộng giống, giám định, chứng nhận chất lượng giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón; (vii) Cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm định ruộng giống, kiểm tra, giám định, chứng nhận chất lượng, hợp chuẩn, hợp quy về vật tư nông nghiệp và sản phẩm cây trồng; (viii) Xuất khẩu trái phép giống cây trồng thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu; (ix) Canh tác gây hại cho cây trồng, vật nuôi và sức khỏe con người; gây ô nhiễm môi trường; suy thoái và cạn kiệt tài nguyên đất, nước và đa dạng sinh học; (x) Khai thác, sử dụng trái phép tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước vào mục đích phi nông nghiệp.

*2.2. Giống cây trồng (Chương II)*

Luật Trồng trọt điều chỉnh các quy định về quản lý giống cây trồng theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và năng lực quản lý; giảm thủ tục hành chính và chi phí cho doanh nghiệp, đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ, giảm thiểu rủi ro cho sản xuất và người sử dụng, tạo sự công bằng giữa các chủ thể tham gia hoạt động trồng trọt, minh bạch trong công tác quản lý; từ quản lý mang nặng định tính chuyển sang quản lý bằng tiêu chuẩn và quy chuẩn, từ việc tiền kiểm sang hậu kiểm; xã hội hóa công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm, chứng nhận phù hợp, từng bước xã hội hóa công tác nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng, công tác khuyến nông, cụ thể là:

- Nghiên cứu, khai thác, sử dụng và bảo tồn nguồn gen giống cây trồng, cụ thể là nguồn gen từ giống cây trồng đã được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành; giống cây trồng đã tồn tại phổ biến trong sản xuất, giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa, giống cây trồng nhập khẩu chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành thực hiện theo quy định của Luật Trồng trọt (Điều 10 đến Điều 12) và pháp luật về khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, đa dạng sinh học.

- Công nhận lưu hành giống cây trồng: Giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính chỉ được phép sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu sau khi được cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng hoặc cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách đối với giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa, giống cây trồng đã tồn tại lâu dài trong sản xuất. Giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính phải được khảo nghiệm do tổ chức khảo nghiệm độc lập được công nhận đủ điều kiện thực hiện trước khi cấp hoặc gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng, trừ trường hợp giống cây trồng được cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách.

- Tự công bố lưu hành giống cây trồng: Giống cây trồng không thuộc loài cây trồng chính chỉ được phép sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu khi tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng theo quy định tại Điều 17 Luật Trồng trọt, trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triễn lãm, trao đổi quốc tế và sản xuất hạt lai để xuất khẩu.

- Về khảo nghiệm giống cây trồng: Khảo nghiệm giống cây trồng bao gồm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định; khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng. Luật Trồng trọt thực hiện xã hội hóa hoạt động khảo nghiệm giống cây trồng, theo đó tổ chức muốn tham gia hoạt động khảo nghiệm giống cây trồng phải có Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 21 Luật Trồng trọt.

- Sản xuất, buôn bán giống cây trồng được thực hiện khi tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại từ Điều 22 đến Điều 24 Luật Trồng trọt.

- Quản lý chất lượng giống cây trồng bao gồm quản lý chất lượng giống và quản lý chất lượng vật liệu nhân giống. Quản lý chất lượng giống cây trồng theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở đối với từng loài cây trồng. Chất lượng vật liệu nhân giống cây trồng chính được quản lý trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Chất lượng vật liệu nhân giống cây trồng không thuộc loài cây trồng chính được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn về chất lượng vật liệu nhân giống cây trồng do tổ chức, cá nhân công bố áp dụng.

- Xuất khẩu và nhập khẩu giống cây trồng: Giống cây trồng được xuất khẩu, nhập khẩu khi đáp ứng các quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Trồng trọt.

- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động về giống cây trồng, bao gồm quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng; đứng tên đăng ký cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng; sử dụng giống cây trồng; đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, quyết định công nhận vườn cây đầu dòng, khảo nghiệm giống cây trồng; sản xuất, buôn bán giống cây trồng được quy định từ Điều 30 đến Điều 35 Luật Trồng trọt.

*2.3. Phân bón (Chương III)*

Luật Trồng trọt luật hóa các quy định về quản lý phân bón, nhằm quản lý phân bón chặt chẽ, hiệu quả trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng; đơn giản, minh bạch các thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển ngành phân bón, cụ thể là:

**-** Công nhận phân bón lưu hành: Phân bón là hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam theo quy định tại Điều 37 Luật Trồng trọt, trừ phân bón hữu cơ được sản xuất để sử dụng không vì mục đích thương mại, phân bón được nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt; phân bón được sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài. Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam có thời hạn là 05 năm và được gia hạn. Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đứng tên đăng ký công nhận một tên phân bón cho mỗi công thức thành phần, hàm lượng dinh dưỡng phân bón.

- Khảo nghiệm phân bón: Phân bón phải được khảo nghiệm trước khi được công nhận lưu hành, trừ các loại phân bón quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt. Khảo nghiệm phân bón thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia do tổ chức được công nhận đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm.

- Sản xuất và buôn bán phân bón: Tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo quy định tại Điều 41 Luật Trồng trọt. Tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo quy định tại Điều 42 Luật Trồng trọt.

- Quản lý chất lượng phân bón: Phân bón được quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Phân bón nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng, trừ phân bón nhập khẩu quy định tại các điểm a, d, đ, e và h khoản 2 Điều 44 của Luật Trồng trọt.

- Xuất khẩu, nhập khẩu phân bón: Phân bón được xuất khẩu, nhập khẩu khi đáp ứng các quy định tại Điều 43, Điều 44 Luật Trồng trọt.

- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực phân bón bao gồm quyền và nghĩa vụ trong sản xuất, buôn bán, khảo nghiệm, sử dụng phân bón; lấy mẫu phân bón được quy định từ Điều 50 đến Điều 54 Luật Trồng trọt.

*2.4. Canh tác (Chương IV)*

Luật Trồng trọt luật hóa các quy định về canh tác từ đó điều chỉnh hoạt động của cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người sản xuất theo hướng sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững tài nguyên thiên nhiên, phát huy lợi thế vùng miền, cơ sở hạ tầng; sử dụng an toàn và hiệu quả các loại vật tư nông nghiệp. Nhà nước hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, sản xuất hữu cơ; quản lý vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; canh tác trên vùng đất dốc, trũng, phèn, mặn; ứng dụng công nghệ cao; công nghệ sinh học; công nghệ tưới tiết kiệm, công nghệ thông tin; công nghệ chính xác nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, cụ thể là:

- Sử dụng tài nguyên trong canh tác: Luật Trồng trọt quy định cụ thể việc sử dụng và bảo vệ đất trong canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước từ Điều 55 đến Điều 57; sử dụng nước tưới tại Điều 58 và sử dụng sinh vật có ích tại Điều 59.

- Sử dụng trang thiết bị và vật tư nông nghiệp trong canh tác (Điều 60, Điều 61): Trang thiết bị trong canh tác bao gồm nhà kính, nhà lưới, máy móc và dụng cụ phục vụ sản xuất, tưới tiêu, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến. Vật tư nông nghiệp trong canh tác bao gồm: giống cây trồng; phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; giá thể trồng cây, màng phủ đất, vật liệu giữ ẩm; hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong hoạt động trồng trọt. Tổ chức, cá nhân hoạt động canh tác chỉ được sử dụng vật tư nông nghiệp trong canh tác được phép sử dụng, lưu hành theo quy định của pháp luật; tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn hoặc của tổ chức, cá nhân sản xuất vật tư nông nghiệp.

- Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, hợp tác, liên kết sản xuất, quản lý và cấp mã số vùng trồng (Điều 62, Điều 63, Điều 64): Luật Trồng trọt quy định việc phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phải phù hợp với tính chất lý, hóa học của đất, khí hậu, nguồn nước, đặc tính sinh học của cây trồng, lợi thế vùng; bảo đảm xây dựng vùng nguyên liệu gắn với chế biến và thị trường. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện và hỗ trợ các bên tham gia đàm phán, ký kết, thực hiện cam kết trong hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại sản phẩm cho vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Quy trình sản xuất, ứng dụng công nghệ cao trong canh tác; canh tác hữu cơ; canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường được quy định từ Điều 65 đến Điều 72 của Luật Trồng trọt.

- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân canh tác được quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Trồng trọt.

*2.5. Thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng (Chương V)*

Luật Trồng trọt tập trung quy định chính sách nhằm nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm trồng trọt theo hướng hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, phát triển thị trường và thương mại sản phẩm trồng trọt; liên kết, hợp tác xây dụng chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, thương mại trong nước và xuất khẩu. Theo đó, Luật bổ sung các quy định về bảo quản, chế biến, thương mại, quản lý chất lượng để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong chuỗi sản xuất sản phẩm trồng trọt, cụ thể là: Việc thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng phải hạn chế thất thoát, bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (Điều 75); Phụ phẩm cây trồng phải được thu gom, xử lý, sử dụng phù hợp, không gây ô nhiễm môi trường và lan truyền sinh vật gây hại (Điều 76); Xác định rõ nội dung phát triển thị trường sản phẩm cây trồng bao gồm dự báo thị trường và định hướng phát triển sản phẩm; đàm phán và thực hiện mở cửa thị trường; tháo gỡ rào cản để sản phẩm cây trồng của Việt Nam được nhập khẩu vào các quốc gia và vùng lãnh thổ; xây dựng chợ đầu mối; xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu sản phẩm cây trồng (Điều 77); Xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm cây trồng: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm cây trồng phải có tài liệu truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh theo quy định của pháp luật Việt Nam (Điều 78); Quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến và thương mại sản phẩm cây trồng (Điều 80)

*2.6. Điều khoản thi hành:*

- Về hiệu lực thi hành: Luật Trồng trọt có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 thay thế cho Pháp lệnh giống cây trồng (Điều 84).

- Về quy định chuyển tiếp (Điều 85):

+ Quyết định công nhận giống cây trồng mới được cấp theo quy định của Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 10 năm đối với giống cây trồng hằng năm, 20 năm đối với giống cây trồng lâu năm tính từ ngày được cấp quyết định và được gia hạn theo quy định của Luật này.

Trường hợp thời gian còn lại của quyết định công nhận giống cây trồng mới không đủ 03 năm hoặc quá thời hạn 10 năm đối với giống cây trồng hằng năm, quá 20 năm đối với giống cây trồng lâu năm tính đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

+ Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng được cấp theo quy định của Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 được tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật này và không phải gia hạn.

+ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam, giấy phép sản xuất phân bón, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục được sử dụng cho đến khi hết thời hạn và được gia hạn, cấp lại theo quy định của Luật này.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị tương đương với Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo quy định của Luật này.

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia trong hoạt động trồng trọt đã được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được áp dụng cho đến khi bị bãi bỏ hoặc thay thế.

+ Kết quả khảo nghiệm cơ bản về giống cây trồng được thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị tương đương kết quả khảo nghiệm diện hẹp theo quy định của Luật này.

+ Kết quả khảo nghiệm sản xuất về giống cây trồng được thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị tương đương kết quả khảo nghiệm diện rộng theo quy định của Luật này.

+ Kết quả khảo nghiệm phân bón thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật này.

**IV. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN LUẬT**

 1. Nhà nước ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ, khuyến khích cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trồng trọt đã được quy định trong Luật Trồng trọt năm 2018.

 2. Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật đúng thời hạn và đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

 3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật đến các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Luật từ cơ quan quản lý đến người dân và doanh nghiệp tham gia hoạt động trồng trọt.

 4. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được phân công, phân cấp trong Luật một cách quyết liệt và triệt để.

 5. Các cơ quan có thẩm quyền quan tâm và bố trí nguồn nhân lực, ngân sách phù hợp cho việc tổ chức triển khai thi hành Luật.

 6. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc triển khai thực hiện Luật Trồng trọt năm 2018.

**VI. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ XÃ HỘI**

**1. Chính sách về giống cây trồng**

1.1. Tác động tích cực

Quản lý giống cây trồng theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và năng lực quản lý; giảm bớt thời gian, thủ tục hành chính và chi phí cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ, giảm thiểu rủi ro cho sản xuất và người sử dụng, tạo sự công bằng trong kinh doanh; từng bước tiêu chuẩn và quy chuẩn hóa các yêu cầu về chất lượng đối với giống cây trồng, chuyển dần từ việc cấp phép (tiền kiểm) sang hậu kiểm đối với các hoạt động có thể hậu kiểm thuận lợi; xã hội hóa công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm, chứng nhận phù hợp với các luật hiện hành và tạo lập được dịch vụ tốt nhất cho người sử dụng.

- Đối với giống cây trồng không phải là cây trồng chính, chủ sở hữu giống không cần thực hiện khảo nghiệm, mà được phép tự công bố lưu hành giống cây trồng.

- Cho phép công nhận lưu hành đặc cách đối với các giống cây trồng chính đã sử dụng rộng rãi trong sản xuất.

- Đối với cây trồng là cây trồng chính trước khi công nhận lưu hành vẫn phải thực hiện khảo nghiệm, nhưng rút ngắn quy trình và thời gian khảo nghiệm;

- Rút bớt các thủ tục thẩm định công nhận lưu hành giống cây trồng.

- Bỏ quy định ban hành Danh mục giống cây trồng, thay bằng hình thức đăng tải các quyết định công nhận lưu hành (đối với giống cây trồng chính) và Bản công bố lưu hành của chủ sở hữu (đối với giống cây trồng không phải là cây trồng chính) trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Quy định về lưu mẫu giống cây trồng để phục vụ thử nghiệm, kiểm tra chất lượng giống cây trồng, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp về giống cây trồng.

- Xã hội hóa công tác khảo nghiệm giống cây trồng, cho phép các tổ chức có đủ điều kiện được tham gia vào hệ thống khảo nghiệm giống cây trồng và quản lý chất lượng giống cây trồng theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở đối với từng loài cây trồng.

1.2. Tác động tiêu cực

Tăng ngân sách Nhà nước cho việc xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật thuật quốc gia về giống cây trồng; lưu mẫu giống; tăng cường năng lực cho hệ thống nghiên cứu, nhân giống cây trồng; thanh tra, kiểm tra chất lượng giống cây trồng.

**2. Chính sách về phân bón**

2.1. Tác động tích cực

- Đối với cơ quan quản lý Nhà nước trực thuộc Trung ương: Đưa việc quản lý phân bón về một đầu mối, quản lý chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón;

 - Đối với các cơ quan quản lý địa phương cấp tỉnh, huyện: Tăng cường trách nhiệm của địa phương trong quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón, công tác thanh tra kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh và chất lượng phân bón; tạo điều kiện công việc cho các tổ chức xã hội trong các hoạt động khảo nghiệm, chứng nhận, thử nghiệm chất lượng phân bón;

 - Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu phân bón: các tổ chức cá nhân dễ thực hiện hơn, giảm tối đa các thủ tục hành chính phải thực hiện, tăng cường trách nhiệm đối với sản phẩm hàng hóa, hạn chế việc sản xuất, kinh doanh phân bón giả, phân bón kém chất lượng;

 - Đối với người sử dụng phân bón: sử dụng các loại phân bón đạt chất lượng, có nhiều sự lựa chọn các loại phân bón khác nhau phù hợp với từng loại đất, cây trồng theo từng vùng sinh thái khác nhau.

 - Giảm thủ tục hành chính, thời gian khảo nghiệm, cấp phép, công bố hợp quy về phân bón.

 2.2. Tác động tiêu cực

Tăng chi phí ngân sách Nhà nước khí phải xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn phân bón; thanh tra, kiểm tra chất lượng phân bón.

**3. Chính sách canh tác trong trồng trọt**

3.1. Tác động tích cực

- Bảo đảm xây dựng và phát triển hệ thống canh tác trồng trọt theo hướng sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng; sử dụng an toàn và hiệu quả các loại vật tư nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, sản xuất có hợp đồng, sản xuất được chứng nhận chất lượng; bảo đảm an ninh lương thực.

- Chủ động trong việc xây dựng, ban hành và đưa vào sản xuất các hệ thống canh tác tiên tiến, bền vững hiệu quả và bảo vệ môi trường;

- Giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng, tăng giá trị gia tăng trong sản xuất trồng trọt;

- Từng bước hình thành và phát triển được chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu dùng.

3.2. Tác động tiêu cực

Tăng chi phí ngân sách Nhà nước và doanh nghiệp cho việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình canh tác, nghiên cứu, chuyển giao quy trình canh tác tiên tiến.

**4. Chính sách bảo quản, chế biến và thương mại và quản lý chất lượng nông sản**

4.1. Tác động tích cực

- Tạo môi trường công bằng, minh bạch cho các doanh nghiệp đầu tư bảo quản chế, chế biến, thương mại sản phẩm cây trồng

- Tạo nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng ổn định cho các doanh nghiệp chế biến

- Trình độ tay nghề của người lao động trong chế biến nông sản được nâng lên đáp ứng công nghệ chế biến sâu.

- Giá trị nông sản tăng, an toàn về sinh thực phẩm được đảm bảo, thị trường tiêu thụ mở rộng góp phần phát triển sản xuất trồng trọt tăng thu nhập cho doanh nghiệp và người lao động.

- Tháo gỡ rào cản để sản phẩm cây trồng của Việt Nam được nhập khẩu vào các quốc gia và vùng lãnh thổ;

- Phụ phẩm cây trồng được thu gom, xử lý, sử dụng phù hợp, không gây ô nhiễm môi trường và lan truyền sinh vật gây hại.

- Giảm thủ tục hành chính tiết kiệm cho doanh nghiệp về thời gian và chi phí.

4.2. Tác động tiêu cực

- Các doanh nghiệp phải tăng chi phí cho đổi mới công nghệ, chế biến sâu, đào tạo nguồn nhân lực.

- Nhà nước tăng kinh phí cho xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các ngành hàng; thanh tra, kiểm tra; đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chế biến, tiêu thu nông sản.

**VI. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG THI HÀNH LUẬT**

Để Luật Trồng trọt nhanh chóng đi vào cuộc sống, các Bộ, ngành, địa phương cần sớm phát huy hiệu quả của Luật, thực hiện các việc như sau:

**1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật**

- Ở Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan tổ chức quán triệt việc thi hành Luật; tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật thông qua các chuyên mục, chương trình tập huấn, biên soạn tài liệu và các hình thức khác theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Ở địa phương: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật bằng các hình thức phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và từng đối tượng, địa bàn (thông qua lồng ghép chuyên đề trong các hội nghị, lớp tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật mới theo kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật).

**2. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết và hướng dẫn thi hành các nội dung được giao trong Luật Trồng trọt**

2.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các nội dung được giao trong Luật Trồng trọt, cụ thể trong năm 2019:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành 03 Nghị định hướng dẫn thi hành Luật: (1) Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Trồng trọt;(2) Nghị định quy định về quản lý phân bón; (3) Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về trồng trọt.

Đồng thời, ban hành theo thẩm quyền 04 Thông tư hướng dẫn thi hành Luật. Cụ thể: (1) Thông tư quy định việc cung cấp thông tin, cập nhật, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt; (2) Thông tư ban hành Danh mục loài cây trồng chính; (3) Thông tư quy định về quản lý, sử dụng, lưu giữ mẫu giống cây trồng, về kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng giống cây trồng nhập khẩu (4) Thông tư quy định việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng.

- Ủy ban nhân dân các cấp ban hành theo thẩm quyền hoặc hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thi hành pháp luật về hoạt động trồng trọt trên địa bàn; Ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với địa phương; tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, đình chỉ, phục hồi, thu hồi, hủy bỏ quyết định, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động trồng trọt theo thẩm quyền và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

2.2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn đã ban hành, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới, bảo đảm thống nhất với Luật Trồng trọt.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức liên quan hoàn thành việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong năm 2019./.